

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2020/HSST
Ngày 04 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Nhân Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Ngọc T - Tên gọi khác: Bầu; Sinh ngày: 05/3/1992, tại huyện TT, tỉnh P; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: khu 2, xã S, huyện TT, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Nguyễn Trọng Xuân và bà Nguyễn Thị Kiên; Vợ: Dương Thu Trang; Con: Có 1 con, sinh năm 2018.

Tiền án: 01 tiền án: Tại bản án số 27/2010/HS-ST ngày 16/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện TT xử phạt T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù nhưng chưa thực hiện trách nhiệm dân sự là bồi thường cho bị hại là anh Nguyễn Văn Mười số tiền 3.500.000đ

Tại bản án số 27/2015/HS-ST ngày 11/6/2015 bị cáo bị TAND huyện TT, tỉnh P xử phạt 24 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết tăng nặng là tái phạm (điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999)

Tiền sự: Không;

Lịch sử bản thân: Năm 2001, bị chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TT ra Quyết định buộc đưa đi giáo dục tại Cơ sở giáo dục Thanh Hà thời gian 24 tháng; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P.

2. Họ và tên: Trần Quốc A, - Sinh ngày 01/5/1989, tại Gia Lâm, Y; Nơi ĐKKHKT: Số 49E Cầu Đất, phường D, quận O, thành phố Y; Chỗ ở hiện nay: Số 20C/53 Bạch Đằng, phường D, quận O, thành phố Y; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Trần Văn Thanh (Đã chết) và bà Phạm Thị Bé; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường D, quận O, thành phố Y.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn T1; Sinh ngày 29/3/1980 tại huyện C1, tỉnh HK; Nơi ĐKHKT: xã Cẩm Hưng, huyện C1, tỉnh HK; Chỗ ở hiện nay: Số 44, tổ 12, phường Y1, quận L, thành phố Y; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Nguyễn Văn Tập và bà Nguyễn Thị Thắng; Vợ: Nguyễn Thị Nam; Con: Có 1 con (Sinh năm 1999); Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo T1 bị bắt, tạm giam từ ngày 30/8/2019. Đến ngày 27/11/2019 được thay đổi bằng biện pháp bảo lãnh. Đến ngày 17/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Vĩnh phúc ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt để tạm giam đối với Nguyễn Văn T1. Hiện bị cáo đang bị Tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Họ và tên: Nguyễn Cảnh T2; Sinh ngày 22/5/1992 tại Đại Sơn, Đ1, AN; Nơi ĐKHKT: xóm 11, xã Đại Sơn, huyện Đ1, tỉnh AN; Chỗ ở hiện nay: xóm 11, xã Đại Sơn, huyện Đ1, tỉnh AN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12, Con ông Nguyễn Cảnh Túc và bà Chu Thị Quý; Vợ là Đào Thị Như Quỳnh; Có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Đại Sơn, huyện Đ1, tỉnh AN.

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn Việt Hùng, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu 14, xã Đào Xá, huyện TT, tỉnh P (Vắng mặt);

+ Chị Trương Thị Hương, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu 3, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh P (Vắng mặt);

+ Chị Nguyễn Thị Thêm, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu 10, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh P, (Có mặt);

+ Chị Nguyễn Thị Mai Huệ, sinh năm 2001; Địa chỉ: Khu 7, xã Hoàng Xá, huyện TT, tỉnh P (Vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Văn Dụng, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu 7, xã Hoàng Xá, huyện TT, tỉnh P (Vắng mặt);

+ Chị Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu 01, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh P (Vắng mặt);

+ Anh Đinh Tuấn Quang, sinh năm 1988; Địa chỉ: Xóm Giếng Ống, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh P (Vắng mặt);

+ Anh Đinh Văn Phấn, sinh năm 1971; Địa chỉ: Xóm Giếng Ống, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh P (Vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Minh Tiến, sinh năm 1981 và chị Nguyễn Thu Thủy; Địa chỉ: Khu 3, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh P (Vắng mặt);

- + Anh Nguyễn Trọng Nghĩa, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT, tỉnh P (Vắng mặt);
- + Anh Phạm Xuân Bảy, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu 9, xã Tát Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh P (Vắng mặt);
- + Ông Nguyễn Văn Luận, sinh năm 1946; Địa chỉ: Khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT, tỉnh P (Vắng mặt);
- + Chị Nguyễn Thị Sang, sinh năm 1981; Địa chỉ: Xóm Tiên Phong, xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn, tỉnh P (Có mặt);
- + Anh Phan Tiến Bắc, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu 6, xã Tu Vũ, huyện TT, tỉnh P (Vắng mặt);
- + Anh Bùi Phú Tùng, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu 13, xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh P (Vắng mặt);
- + Anh Phạm Văn Đảng, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT, tỉnh P (Vắng mặt);
- + Ông Lê Thế Phong, sinh năm 1955; Địa chỉ: Khu 12, xã Yên Mao, huyện TT, tỉnh P; Nay là: Khu 12, xã Tu Vũ, huyện TT, tỉnh P. (Vắng mặt);
- + Ông Đinh Công Thủy, sinh năm 1968; Địa chỉ: Xóm Liên Đồng, xã Cự Đồng, huyện Thanh Sơn, tỉnh P (Có mặt);
- + Ông Trần Hữu Trọng, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu 01, xã La Phù, huyện TT, tỉnh P (Vắng mặt);
- + Ông Nguyễn Đức Khóa, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khu 01, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh P (Vắng mặt);
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- + Chị Phạm Thị Linh, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 36 Ngọc Trì, phường Y1, quận L, thành phố Y. (Vắng mặt);
- + Anh Phạm Thế Hải, sinh năm 1990; Địa chỉ: phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Y. (Vắng mặt);
- + Chị Dương Thu Trang, sinh năm 2000
Địa chỉ: khu 2, xã S, huyện TT, tỉnh P (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Ngọc T là đối tượng không có công ăn việc làm ổn định và làm lao động tự do tại thành phố Y. Do muốn có tiền tiêu sài cá nhân mà không phải lao động, T nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền. Khoảng 16 giờ chiều ngày 10/8/2019, T đi ra bến xe Mỹ Đình bắt xe khách về thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông, tỉnh P rồi xuống xe tiếp tục bắt taxi đi đến khu vực đường mới thuộc địa phận xã Đào Xá, huyện TT, tỉnh P thì T xuống xe rồi đi bộ dọc theo đường mới. Khoảng 01 giờ ngày 11/8/2019, T phát hiện 01 nhà dân ở ven đường để điện sáng ở sân, phía ngoài có cổng khóa, phía trong sân có 02 xe mô tô, trong đó có 01 xe Honda Vision dựng ở phía ngoài và 01 xe Honda Wave Alpha BKS 19L1-

197.52 dựng ở phía trong. Quan sát không thấy có người, T trèo tường vào phía trong sân rồi tiến lại vị trí 02 chiếc xe mô tô, tại đây T phát hiện chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha không khóa cổ, khóa càng, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện. Sau đó T kiểm tra xung quanh phát hiện tại bàn uống nước kê ở ngoài hiên nhà có 01 chùm chìa khóa có 02 chìa, T lấy mang ra thử mở khóa cổng thì mở được. Sau đó T quay vào sân, dắt chiếc xe Honda Wave Alpha qua cổng ra ngoài đường, sau đó quay lại khép cổng, để ổ khóa và chìa khóa trên chậu cây cảnh gần đó rồi lên xe nổ máy và điều khiển xe đi theo đường mới về phía huyện Tam Nông, tỉnh P rồi theo quốc lộ 32 đi về thành phố Y. Trên đường đi, T dừng xe và kiểm tra cốp xe thì phát hiện có 02 đăng ký xe mô tô trong đó có 01 đăng ký xe mô tô T vừa trộm cắp được, 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh thư nhân dân. Về đến Y, T dùng tài khoản Facebook "Chịch Ko Em" của mình liên hệ với anh Trần Quốc A – sinh năm 1989, ở số nhà 49E Cầu Đất, phường D, quận O, thành phố Y qua tài khoản Facebook "Key Trần" để giao bán xe Wave Alpha BKS 19L1- 197.52 mới trộm cắp được cùng giấy tờ xe với giá 9.500.000đ thì Anh đồng ý mua rồi hẹn gặp T ở khu vực sau bến xe Mỹ Đình để trao đổi mua bán xe. Đến khoảng 10 giờ ngày 11/8/2019, T dùng chiếc khẩu trang y tế của mình che biển số của xe để tránh bị phát hiện rồi điều khiển xe đến điểm hẹn gặp Anh. Sau khi gặp Anh, T đã giao xe cùng giấy tờ xe cho Anh và nhận của Anh số tiền 9.500.000đ như thỏa thuận. Số tiền bán xe, T đã tiêu sài cá nhân hết 8.500.000đ, còn lại 1.000.000đ T cất trong người và bị Cơ quan Công an thu giữ khi thi hành Lệnh giữ người. Về phần Trần Quốc A, do đã từng 01 lần mua xe không giấy tờ của T và trong quá trình trao đổi về việc mua bán xe Anh thấy giấy tờ xe không chính chủ, không có giấy mua bán viết tay, giá xe rẻ bất thường so với giá thị trường, xe bị che đi biển số nên Anh biết xe T bán là tài sản do trộm cắp mà có, tuy nhiên thấy xe rẻ, nghĩ mua rồi bán lại sẽ kiếm được nhiều lợi nhuận nên Anh vẫn mua chiếc xe Wave Alpha BKS 19L1- 197.52. Sau khi nhận xe của Tráng, Anh điều khiển về nhà mình. Tại đây, Anh kiểm tra cốp xe phát hiện 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô, tất cả đều mang tên Nguyễn Viết Hùng – sinh năm 1965, ở xã Đào Xá, huyện TT, tỉnh P thì chụp ảnh xe cùng giấy tờ xe rồi cất tất cả giấy tờ trên vào chiếc tủ tivi kê tại phòng ngủ tầng một nhà Anh rồi dùng tài khoản Facebook "Key Trần" của mình đăng ảnh xe lên Fan Page Facebook "Hội mua bán xe máy cũ Y" để giao bán xe với giá 11.500.000đ nhưng chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an phát hiện, thu giữ. Ngoài ra bị cáo T còn khai nhận đã thực hiện 18 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện TT, Thanh Sơn và Tam Nông thuộc tỉnh P, sau đó đem bán lại cho Nguyễn Văn T1, Nguyễn Cảnh T2 và một số đối tượng khác T không biết tên tuổi địa chỉ như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 21/3/2019, chị Trương Thị Hương – sinh năm 1992, ở khu 3, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh P để chiếc xe mô tô Honda Vision BKS 19C1 - 190.37 trong lán để xe nhà mình, bỏ quên không rút chìa khóa điện. Đến khoảng 0h ngày 22/3/2019, T đi bộ qua nhà chị Hương, quan sát thấy nhà chị Hương đã tắt điện cửa cổng khép không khóa nên T mở cổng đi vào để tìm tài sản trộm cắp. Khi vào trong lán để xe của gia đình chị Hương, T thấy chiếc xe mô tô Honda Vision BKS 19C1 - 190.37 vẫn có chìa khóa cắm ở ổ điện nên đi đến vị trí chiếc xe rồi dắt xe ra cổng và nổ máy, sau đó điều khiển xe về Y tiêu thụ. Khi về đến nhà nghỉ ở khu vực bến xe Mỹ Đình – thành phố Y, T chụp ảnh xe mô tô

trộm cắp được (không chụp biển kiểm soát) đăng lên "Hội mua bán xe máy cũ Y", "Hội mua bán xe máy KGT (không giấy tờ) Y" của mạng xã hội Facebook để giao bán, sau đó T đã bán chiếc xe cho một người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ và tài khoản Facebook với giá 6.200.000 đồng. Tiền bán xe T đã tiêu sài cá nhân hết. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Sơn xác định giá trị là 17.250.000đ. Cơ quan điều tra đã không thu hồi được chiếc xe trên và chị Hương đề nghị T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 31/3/2019, T đi xe ô tô xe khách từ Y về huyện TT để trộm cắp tài sản. Đến khoảng hơn 19 giờ, T xuống xe tại xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông rồi đi bộ để tìm phương tiện chở về huyện TT. Khi đi qua nhà chị Nguyễn Thị Thêm – Sinh năm 1990 ở khu 10, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, T phát hiện tại hiên sau nhà ở của chị Thêm có chiếc xe mô tô Honda Air Blade BKS 19V1 – 9389. Quan sát thấy nhà chị Thêm khóa cửa, không có người ở nhà nên T nảy sinh ý định đột nhập vào nhà chị Thêm để trộm cắp chiếc xe trên. Do nhà chị Thêm và nhà bố chồng chị Thêm là ông Nguyễn Trung Thành ở cạnh nhau, không có tường bao ngăn cách nên T đi theo lối vào cổng nhà ông Thành rồi đi vào hiên sau nhà chị Thêm. T đi đến vị trí chiếc xe thì thấy chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa nên T dắt chiếc xe ra cổng rồi nổ máy và điều khiển xe đi về Y. Sáng ngày 01/4/2019, T đem chiếc xe đến quận Bắc Từ Liêm rồi vào một quán sửa chữa xe (Tráng không nhớ địa chỉ cụ thể) để bán chiếc xe trộm cắp được thì gặp Nguyễn Cảnh T2 – Sinh năm 1992 cư trú tại xóm 11, xã Đại Sơn, huyện Đ1, tỉnh AN. Tại đây, T đã bán chiếc xe trộm cắp của chị Thêm cho T2 với giá 3.800.000đ. Mặc dù được T cho biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do T trộm cắp mà có nhưng Nguyễn Cảnh T2 vẫn đồng ý mua. Sau khi mua xe của Tráng, T2 kiểm tra trong cốp xe thì phát hiện có đăng ký xe mô tô BKS 19V1 - 9389 mang tên Nguyễn Trung Phong ở khu 10, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh P. T2 kiểm tra số khung, số máy của xe thì trùng khớp với thông tin trong giấy đăng ký. T2 nảy sinh ý định bán chiếc xe mô tô trên để hưởng lợi bất chính nên đã gọi cho T nhờ bán lại xe máy đó. T đồng ý và ngày 02/4/2019 đến gặp T2 ở gần bến xe Mỹ Đình. Sau khi gặp nhau, T biết chiếc xe T2 nhờ bán chính là chiếc xe mà T trộm cắp của chị Thêm, bán cho T2 ngày 01/4/2019 nhưng T vẫn đồng ý giúp T2 bán xe. Sau đó T chụp ảnh chiếc xe mô tô trên (không chụp biển kiểm soát) đăng vào trang "Hội mua bán xe máy cũ Y" trên mạng xã hội Facebook và bán cho một người nam giới không rõ, tên, tuổi địa chỉ được 6.300.000đ. T đem tiền về đưa tiền cho T2 thì T2 trả cho T 300.000đ tiền công, còn T2 hưởng lợi 2.200.000đ. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Tam Nông xác định giá trị là 20.000.000đ. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe trên và chị Thêm đề nghị T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 3: Khoảng 19 giờ ngày 14/4/2019, T đi xe ô tô khách từ thành phố Y về xã Hoàng Xá, huyện TT để trộm cắp xe mô tô. Cũng với thủ đoạn như những lần trước, T đi dọc đường vào các khu dân cư chờ thời điểm đêm khuya để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu 7, xã Hoàng Xá, huyện TT, T phát hiện trong sân nhà chị Nguyễn Thị Mai Huệ - Sinh năm 2001 ở khu 7, xã Hoàng Xá, huyện TT có 02 chiếc xe mô tô. Quan sát thấy trong nhà chị Huệ chưa tắt điện nên T tiếp tục đi tìm tài sản sơ hở của các gia đình khác để trộm cắp nhưng không tìm được nên khoảng 01 giờ ngày 15/4/2019, T quay trở

lại nhà chị Huệ mục đích để trộm xe. Lúc này, T thấy nhà chị Huệ đã tắt điện đi ngủ và quan sát thấy cửa vào phòng khách nhà chị Huệ không khóa nên T trèo qua tường bao vào bên trong nhà chị Huệ. T đi vào phòng khách thì thấy bà Nguyễn Thị Hải – Sinh năm 1963 và cháu Nguyễn Thị Uyển Nhi – Sinh năm 2010 là mẹ và em gái chị Huệ đang nằm ngủ. T tìm thấy chùm chìa khóa ở cửa sổ gian phòng khách nên cầm ra thử mở khóa cổng thì mở được. Sau khi mở được cổng, T quay vào phòng ngủ của chị Huệ lấy 01 túi sách màu trắng trên giá để giày và 01 điện thoại di động OPPO Neo 9 trên bàn gỗ cùng chiếc chìa khóa xe mô tô BKS 19L1 - 138.42. T cầm chiếc túi ra hiên nhà lục rồi lấy được số tiền 70.000đ, còn chiếc điện thoại di động OPPO Neo 9, T thấy đã cũ và xấu nên vứt bỏ lại tại cổng nhà chị Huệ. Sau đó, T lấy chìa khóa cắm vào ổ khóa điện của chiếc xe Honda Air Blade BKS 19L1 - 138.42 của ông Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1963, địa chỉ: Khu 7, xã Hoàng Xá, huyện TT, tỉnh P, rồi dắt chiếc xe ra cổng, nổ máy và đi về thành phố Y. Khi về đến cầu Mai Dịch, quận Nam Từ Liêm, thành phố Y, T bán chiếc xe trên cho một người nam giới không rõ tên, tuổi, địa chỉ với giá 3.500.000đ. Số tiền bán xe T đã tiêu sài cá nhân hết. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện TT xác định giá trị là 8.000.000đ; chiếc điện thoại di động OPPO Neo 9 có giá 800.000đ. Chiếc xe sau đó không thu hồi được để trả cho chủ sở hữu, chị Huệ đề nghị T bồi thường theo quy định của pháp luật. Còn chiếc ví và chiếc điện thoại và số tiền 70.000đ, chị Huệ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Vụ thứ 4: Đêm ngày 17/4/2019, T bắt xe taxi từ huyện TT đến xã Hồng Đà, huyện Tam Nông với mục đích để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 0 giờ ngày 18/4/2019, T xuống xe tại khu 1, xã Hồng Đà và đi bộ vào các khu dân cư tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Đến gần 01 giờ, khi đến nhà chị Nguyễn Thị Hạnh – Sinh năm 1984 ở khu 1, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông thì T phát hiện tại khu đất gần lán xây dựng nhà chị Hạnh có dựng 01 chiếc xe mô tô Honda Wave BKS 19H1 - 10186 nên nảy sinh ý định trộm cắp. Do cổng khóa nên T trèo qua tường bao đột nhập vào bên trong rồi đi vào trong lán thì thấy có chị Hạnh và mẹ chị Hạnh là bà Nguyễn Thị Ngoan – Sinh năm 1959 ở khu 1, xã Hồng Đà đang nằm ngủ. T tìm thấy chìa khóa điện xe mô tô trên nóc tủ lạnh kê trong lán nên cầm đến mở khóa điện của xe. Do không tìm thấy chìa khóa cổng nên T dắt xe mô tô BKS 19H1 - 10186 qua cổng nhà ông Thiều Văn Chấn – Sinh năm 1965 ở khu 1, xã Hồng Đà, Tam Nông (là hàng xóm, có cổng thông với nhà chị Hạnh). Tuy nhiên, do cổng nhà ông Chấn cũng khóa nên T quay lại lán để xe nhà chị Hạnh lấy 01 kim còng lực ra cắt khóa cổng. Sau khi cắt được khóa, T bỏ lại kim ở cổng rồi dắt xe ra ngoài đường, nổ máy và đi về thành phố Y để tiêu thụ. Khi về đến thành phố Y, T kiểm tra cốp xe thì thấy có đăng ký xe BKS 19H1 – 101.86 mang tên Nguyễn Văn Nguyễn ở xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh P, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị Hạnh. T giữ lại đăng ký và vứt bỏ những giấy tờ còn lại ở bên đường. Sau đó, T đã bán chiếc xe (kèm đăng ký) cho một người nam giới không rõ tên, tuổi, địa chỉ được 9.500.000đ. Số tiền bán xe sau đó T đã chi tiêu cá nhân hết. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Tam Nông xác định giá trị là 13.000.000đ. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã không thu hồi được chiếc xe trên, chị Hạnh đề nghị T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 5: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 21/4/2019, anh Đinh Tuấn Quang – Sinh năm 1988 ở xóm Giếng Ông, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn để chiếc xe mô tô Honda Air Blade BKS 29X5 – 046.30 trong sân sau nhà mình. Xe mô tô của anh Quang được thiết kế lắp thêm một công tắc nguồn trong cốp xe. Trước khi đi ngủ, anh Quang đã tắt công tắc nguồn gắn trong cốp xe, rút chìa khóa điện để vào túi áo khoác treo trong phòng khách. Đến khoảng 0 giờ ngày 22/4/2019, T đi bộ qua nhà anh Quang để tìm tài sản trộm cắp thì phát hiện nhà anh Quang đã tắt điện, lại không có cửa cổng. T đi vào phía trong sân sau nhà thấy có chiếc xe mô tô Honda Air Blade BKS 29X5 - 04630 nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. Do xe khóa cổ nên T đi vào nhà và tìm thấy chìa khóa xe ở trong túi áo khoác của anh Quang. T lấy chìa khóa ra mở khóa điện rồi dắt xe ra cổng để nổ máy xe nhưng không nổ được do công tắc nguồn bị tắt nên T dắt xe đi, đến khu 21, xã Hoàng Xá T tiếp tục tìm cách khởi động xe nhưng không được nên đã bỏ chiếc xe lại đây rồi tiếp tục đi theo đường nối QL32 ra QL70B hướng về xã Thắng Sơn để tìm tài sản trộm cắp. Sáng ngày 22/4/2019, được quần chúng nhân dân thông báo nên anh Quang đã lấy lại được xe của mình và không đề nghị T bồi thường gì. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Sơn xác định giá trị là 14.250.000đ.

Vụ thứ 6: Sau khi bỏ lại chiếc xe mô tô BKS 29X5 – 04630 tại khu 21 xã Hoàng Xá, T tiếp tục đi đến xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn với mục đích để trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/4/2019, khi đi qua nhà ông Đinh Văn Phấn – Sinh năm 1971 ở xóm Giếng Ông, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn, T phát hiện trong sân phía đầu nhà bếp có dựng 01 chiếc xe mô tô Honda Wave RSX BKS 29C1 – 010.47. Thấy cửa cổng khóa nên T đi theo đường đất sau nhà qua vườn vào sân. Khi đến vị trí để xe, thấy chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa nên T dắt chiếc xe ra đường theo lối đã vào rồi nổ máy và điều khiển xe về thành phố Y tiêu thụ. Trên đường đi, T kiểm tra cốp xe nhưng không thấy có tài sản, giấy tờ gì. Khi về đến một nhà nghỉ ở khu vực gần bến xe Mỹ Đình, T chụp ảnh xe trộm cắp được (không chụp biển kiểm soát) và sử dụng tài khoản Facebook "Chick ko em" đăng lên "Hội mua bán xe máy cũ Y", "Hội mua bán xe máy KGT Y" để giao bán xe. Sau đó, T đã bán chiếc xe trên cho một người nam giới không rõ, tên, tuổi, địa chỉ được 3.800.000đ và T đã tiêu sài hết số tiền trên. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Sơn xác định giá trị là 8.500.000đ. Cơ quan điều tra đã không thu hồi được chiếc xe trên, ông Phấn đề nghị T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 7: Khoảng 22 giờ ngày 25/5/2019, anh Nguyễn Minh Tiến – Sinh năm 1981 ở khu 3, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn để xe mô tô Honda Wave BKS 19C1 - 158.48 trong sân nhà mình, không khóa cổng và để chìa khóa xe trên nóc tủ lạnh trong nhà. Khoảng 0 giờ ngày 26/5/2019, khi đang đi tìm tài sản để trộm cắp thì T đi qua nhà anh Tiến và thấy chiếc xe ở sân, cửa cổng không khóa, nên đột nhập vào nhà anh Tiến để trộm cắp xe. Sau khi vào nhà anh Tiến, T đã tìm thấy chìa khóa chiếc xe ở trên nóc tủ lạnh. T cầm chìa khóa ra mở khóa điện chiếc xe rồi dắt xe ra cổng, nổ máy và đi về thành phố Y tiêu thụ. Khi về đến Y, T chụp ảnh xe gửi đến tài khoản Zalo "Gold" của Nguyễn Cảnh T2 để chào bán xe. Mặc dù biết xe T bán là xe do trộm cắp mà có nhưng vì háo lợi nên T2 vẫn đồng ý mua. Sau đó, T đã bán chiếc xe trộm cắp của anh Tiến cho T2 với giá 4.000.000đ. Sau đó T2 đã bán chiếc xe cho Phạm Thế Hải – Sinh năm 1990 ở phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Y với giá

4.300.000đ. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Sơn xác định giá trị là 13.150.000đ. Cơ quan điều tra đã không thu hồi được chiếc xe trên, anh Tiến đề nghị T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 8: Khoảng 22 giờ ngày 3/7/2019, anh Nguyễn Trọng Nghĩa – Sinh năm 1973 ở khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT để chiếc xe mô tô Honda Dream BKS 19N1 - 5565 tại hiên nhà mình. Khoảng 02 giờ ngày 4/7/2019, T đi qua nhà anh Nghĩa và quan sát thấy nhà anh Nghĩa đã tắt điện đi ngủ, cửa cổng không khóa nên T mở cổng đi vào mục đích để trộm chiếc xe trên. Thấy chìa khóa vẫn cắm sẵn ở ổ khóa điện của xe nên T dắt chiếc xe ra đường, khép cổng lại rồi nổ máy xe, đi về thành phố Y để tiêu thụ. Khi về đến Y, T chụp ảnh chiếc xe mới trộm cắp được (không chụp biển kiểm soát) rồi đăng lên "Hội mua bán xe máy KGT (Không giấy tờ) Y" để giao bán chiếc xe. Sau đó, T đã bán chiếc xe cho một người nam giới không rõ tên, tuổi, địa chỉ (sử dụng tài khoản Facebook "Nguyễn Quang") được 4.300.000đ và đã tiêu sài hết số tiền trên. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện TT xác định giá trị là 15.000.000đ. Cơ quan điều tra đã không thu hồi được chiếc xe trên, anh Nghĩa đề nghị T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 9: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 7/7/2019, ông Phạm Xuân Bảy – Sinh năm 1972 ở khu 9, xã Tát Thắng, huyện Thanh Sơn để xe mô tô Yamaha Exciter BKS 19K1 - 240.27 trong lán để xe nhà mình và quên không cất chìa khóa điện của xe. Khoảng 0 giờ ngày 8/7/2019, trên đường đi tìm tài sản để trộm cắp, T đi qua nhà ông Bảy thì phát hiện chiếc xe, quan sát thấy nhà ông Bảy đã tắt điện, cửa cổng không khóa nên T mở cổng đi vào. Đến vị trí chiếc xe, T thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa nên dắt xe ra cổng rồi nổ máy và điều khiển xe đi về thành phố Y để tiêu thụ. Khi về Y, T chụp ảnh xe chiếc xe vừa trộm cắp được (không chụp biển kiểm soát) và sử dụng tài khoản Facebook "Chick ko em" đăng lên "Hội mua bán xe máy cũ Y" để giao bán xe. Sau đó, T đã bán chiếc xe cho Nguyễn Văn T1 – Sinh năm 1980 ở thôn Đức Hỷ, xã Cẩm Hưng, huyện C1, tỉnh HK (chủ tài khoản Facebook "Vũ Tuấn") với giá 10.500.000đ. Khi mua xe, T1 biết rõ xe T bán là do trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên T1 vẫn mua chiếc xe trên. Sau đó, T1 đã giao bán chiếc xe lên mạng xã hội Facebook tại các trang hội mua bán xe cũ và bán cho một người nam giới không rõ tên, tuổi, địa chỉ được 11.500.000đ, T1 hưởng lợi 1.000.000đ. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Sơn xác định giá trị là 31.000.000đ. Cơ quan điều tra đã không thu hồi được chiếc xe trên, ông Bảy đề nghị T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 10: Khoảng 19 giờ ngày 17/7/2019, T đi xe ô tô khách từ Y về xã Hoàng Xá, huyện TT với mục đích để trộm cắp xe. T đợi đến đêm rồi đi bộ quanh khu vực dân cư tìm xe để sơ hở để trộm cắp. Khoảng hơn 01 giờ ngày 18/7/2019, T đến nhà ông Nguyễn Văn Luận – Sinh năm 1946 ở khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT và phát hiện bên dưới nhà sàn ông Luận có để 03 chiếc xe mô tô nên tiến lại gần thì thấy chiếc xe mô tô Honda Dream BKS 19K3 - 7533 dựng phía trong cùng có cắm sẵn chìa khóa ở ổ khóa điện. T đi đến dắt chiếc xe trên ra cổng, nổ máy và điều khiển xe đi về thành phố Y tiêu thụ. Khi về đến Y, T chụp ảnh xe vừa trộm cắp được (không chụp biển kiểm soát) đăng lên "Hội mua bán xe máy KGT (không giấy tờ) Y" để giao bán xe. Sau đó, T đã bán chiếc xe cho một người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ được 4.200.000đ. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện TT xác định

giá trị là 10.000.000đ. Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe trên, ông Luận đề nghị T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 11: Khoảng 19 giờ ngày 19/7/2019, T đi xe ô tô khách từ Y về đến cầu Đào Ngọc, thị trấn TT thì xuống xe và bắt xe taxi đi vào xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn để trộm cắp tài sản. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T đi đến nhà anh Nguyễn Thanh Chuyền – Sinh năm 1978 ở xóm Tiên Phong, xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn thì Phát hiện tại cổng nhà anh Chuyền có dựng 01 chiếc xe mô tô Honda Wave S BKS 19C1 - 072.99 có cắm sẵn chìa khóa điện ở ổ khóa nên T đi đến dắt chiếc xe ra đường rồi mở khóa điện, nổ máy và điều khiển xe về thành phố Y tiêu thụ. Trên đường đi, T kiểm tra cốp xe thì phát hiện có đăng ký xe BKS 19C1 – 072.99 mang tên Nguyễn Thị Sang – Sinh năm 1981 ở xóm Tiên Phong, xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn (là vợ của anh Chuyền). Về đến Y, T chụp ảnh chiếc xe vừa trộm cắp được (không chụp biển kiểm soát) rồi đăng lên "Hội mua bán xe máy KGT (không giấy tờ) Y" để giao bán xe. Sau đó, T đã bán xe mô tô trên cho Trần Quốc A – Sinh năm 1989 ở số nhà 53, phường D, quận O, thành phố Y (chủ tài khoản Facebook "Key Trần") với giá 4.500.000đ. Do biết là xe do trộm cắp mà có nên sau khi mua xe, Anh đã tháo bỏ biển kiểm soát của chiếc xe rồi lắp lắp chiếc kiểm kiểm soát 30H1 - 1189 nhặt được trước đó vào để sử dụng. Đồng thời giao bán chiếc xe trên mạng xã hội Facebook. Khi Trần Quốc A chưa bán được chiếc xe thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của Anh và đã thu giữ chiếc xe trên. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Sơn xác định giá trị là 8.000.000đ. Anh Chuyền đã nhận lại chiếc xe và không yêu cầu T bồi thường gì thêm.

Vụ thứ 12: Khoảng 19 giờ ngày 22/7/2019, anh Phan Tiến Bắc – Sinh năm 1974 ở khu 6, xã Tu Vũ, huyện TT, tỉnh P để chiếc xe mô tô nhãn hiệu IMOTO BKS 29Y - 3895 tại sân nhà mình. Khoảng 20 giờ 30 phút, T đi bộ qua nhà anh Bắc để tìm xe trộm cắp thì thấy nhà anh Bắc đi vắng, không khóa cửa cổng chiếc xe dựng ở sân nên T mở cửa cổng đi vào. Thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện của xe nên T dắt chiếc xe ra cổng, nổ máy rồi điều khiển xe đi về Y tiêu thụ. Khi đi đến đường mới nối QL32 và QL70B thuộc địa phận khu 1, xã Yên Mao, huyện TT, T thấy chiếc xe đã cũ, xấu nên bỏ xe lại và tiếp tục đi về khu 12, xã Yên Mao, huyện TT tìm tài sản trộm cắp tài sản tiếp. Ngày 23/7/2019, được quần chúng nhân dân thông báo, anh Bắc đã lấy lại được xe của mình tại khu 1, xã Yên Mao, huyện TT và không đề nghị T bồi thường gì. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện TT xác định giá trị là 1.300.000đ.

Vụ thứ 13: Sau khi bỏ lại chiếc xe mô tô BKS 29Y – 3895 ở khu 1 xã Yên Mao, T tiếp tục đi bộ theo hướng về khu 12, xã Yên Mao tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 01 giờ ngày 23/7/2019 T phát hiện nhà ông Lê Thế Phong không có cửa cổng, trong sân có để chiếc xe mô tô Honda Wave BKS 19L1 - 225.11. Thấy xe không có sẵn chìa khóa điện, cửa nhà không khóa nên T đi vào trong nhà ông Phong để tìm chìa khóa nhưng không tìm thấy. Phát hiện trên chiếc giường kê tại gian phòng khách nhà ông Phong có 02 chiếc ví của ông Phong gồm 01 ví giả da màu nâu và 01 ví giả da màu đen nên T mở ví lấy 01 đăng ký xe BKS 19L1 - 225.11 và số tiền 460.000 đồng, bỏ lại 02 chiếc ví tại tường bao hiên nhà ông Phong rồi bỏ đi. Sau đó, T bán đăng ký xe BKS 19L1 - 225.11 cho Nguyễn Văn T1 được 100.000đ và đã tiêu

sai hết số tiền trộm cắp được cùng số tiền bán đăng ký xe trộm cắp được. Ông Phong đề nghị T trả lại số tiền T đã trộm cắp của ông.

Vụ thứ 14: Sau khi lấy trộm tài sản tại nhà ông Lê Thế Phong, T tiếp tục đi đến khu 13, xã Yên Mao để trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 23/7/2019, khi đi qua nhà ông Đỗ Văn Thao – Sinh năm 1966 ở khu 13, xã Yên Mao, huyện TT, T phát hiện trong sân có dựng chiếc xe mô tô Honda Wave BKS 19B1 – 43567 của anh Bùi Phú Tùng – Sinh năm 1989 ở khu 13, xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì (là công nhân xây dựng công ty Tự Lập) gửi nhờ ở đó. Phát hiện chìa khóa xe cắm sẵn ở ổ khóa điện, T dắt chiếc xe ra cổng và nổ máy xe đi về thành phố Y tiêu thụ. Khi về đến Y, T chụp ảnh chiếc xe vừa trộm cắp được (không chụp biển kiểm soát) và sử dụng tài khoản Facebook "Chick ko em" gửi vào tài khoản "Vũ Tuấn" để giao bán xe cho Nguyễn Văn T1, sau khi thỏa thuận, T đã bán chiếc xe trên cho T1 với giá 5.900.000đ. Khi mua xe, T1 biết rõ xe đó là do T trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên T1 vẫn mua chiếc xe trên rồi sau đó đăng lên hội mua bán xe cũ ở các tỉnh thành và bán cho một người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ với giá 7.000.000đ, T1 hưởng lợi 1.100.000đ. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện TT xác định giá trị là 14.500.000đ. Cơ quan điều tra đã không thu hồi được chiếc xe trên, anh Tùng đề nghị T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 15: Khoảng 22 giờ ngày 25/7/2019, ông Phạm Văn Đăng – Sinh năm 1973 ở khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT để chiếc xe mô tô Honda Wave BKS 19L1 - 245.32 trong nhà mình và không khóa cửa nhà. Khoảng 0 giờ ngày 26/7/2019, T đi bộ qua nhà ông Đăng thì thấy nhà ông Đăng đã tắt điện nhưng cửa nhà mở và trong nhà có dựng 02 chiếc xe mô tô nên T đột nhập vào nhà ông Đăng để trộm cắp xe. Khi vào trong nhà, thấy chìa khóa chiếc xe mô tô Honda Wave BKS 19L1 – 245.32 vẫn cắm ở ổ khóa, T liền dắt chiếc xe này ra cổng rồi nổ máy và điều khiển xe đi về thành phố Y tiêu thụ. Khi về đến Y, T liên lạc và bán chiếc xe cho Nguyễn Văn T1 với giá 4.500.000đ. Sau đó, T1 rao bán chiếc xe lên mạng xã hội và bán cho một người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ, được 5.000.000đ, T1 hưởng lợi 500.000đ. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện TT xác định giá trị là 18.000.000đ. Cơ quan điều tra đã không thu hồi được chiếc xe trên, ông Đăng đề nghị T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 16: Khoảng 21 giờ ngày 31/7/2019, T đi xe ô tô khách từ Y về xã Cự Đồng, huyện Thanh Sơn với mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng hơn 0h ngày 01/8/2019, T đến nhà ông Đinh Công Thủy – Sinh năm 1968 ở xóm Liên Đồng, xã Cự Đồng, huyện Thanh Sơn thì phát hiện tại sân nhà anh Thủy có để 01 chiếc xe mô tô Honda Dream II BKS 19T1 – 5619. Do cổng khóa nên T trèo qua tường bao đột nhập vào bên trong. Thấy xe mô tô BKS 19T1 – 5619 có chìa khóa điện cắm sẵn ở ổ khóa nên T đi tìm chìa khóa cổng để mở cổng. T tìm được chìa khóa cổng nhà anh Thủy tại giàn bát ở sân nhà nên cầm chìa khóa ra mở cửa cổng và bỏ lại ổ khóa, chìa khóa tại tải muối cạnh quán bán hàng. Sau đó, T dắt xe ra đường, mở khóa điện rồi nổ máy và điều khiển xe đi về thành phố Y tiêu thụ. Trên đường đi, T dừng xe kiểm tra cốp xe thì thấy có đăng ký xe BKS 19T1 - 5619 mang tên Nguyễn Tiến Khải ở xóm Kim Thịnh, xã Cự Đồng, huyện Thanh Sơn. T chụp ảnh chiếc xe vừa trộm cắp được (không chụp biển kiểm soát) rồi gửi vào tài khoản Facebook "Vũ Tuấn" của Nguyễn Văn T1 để giao bán xe.

Sau khi thỏa thuận, T đã bán chiếc xe trên cho T1 với giá 11.500.000đ. Sau đó, T1 đã rao bán chiếc xe lên mạng xã hội và bán cho một người nam giới không biết tên tuổi, địa chỉ với giá 12.000.000đ, T1 hưởng lợi 500.000đ. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Sơn xác định giá trị là 10.250.000đ. Cơ quan điều tra đã không thu hồi được chiếc xe trên, ông Thủy đề nghị T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 17: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 5/8/2019, bà Phạm Thị Vịnh – Sinh năm 1968 ở khu 1, thị trấn TT, huyện TT để chiếc xe mô tô Honda Lead BKS 19Z6 - 0529 trong sân nhà mình và để chùm chìa khóa (trong đó có chìa khóa xe) tại bàn uống nước đặt ở góc sân nhà. Khoảng 0h ngày 6/8/2019, T đi bộ qua nhà bà Vịnh để tìm tài sản trộm cắp thì thấy cửa cổng nhà bà Vịnh cài then không khóa, bên trong sân nhà có để xe mô tô Honda Lead BKS 19Z6 – 0529 nên T mở cửa cổng đi vào trong nhà bà Vịnh để trộm cắp xe. T tìm thấy chìa khóa xe (cùng chùm chìa khóa) trên mặt bàn uống nước ở sân nên dùng mở khóa điện của xe, dắt xe ra cổng rồi lấy chiếc chìa khóa xe máy còn bỏ lại chùm chìa khóa ở cổng nhà bà Vịnh. sau đó nổ máy và điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được về thành phố Y tiêu thụ. Trên đường đi, T dùng xe mở hộp cốp trước thì thấy có 01 đăng ký xe mô tô BKS 19Z6 - 0529 mang tên Trần Hữu Trọng ở khu 1, xã La Phù, huyện TT. T nhắn tin Facebook trao đổi mua bán chiếc xe trên với Nguyễn Văn T1 và sau đó bán chiếc xe cho T1 với giá 6.500.000đ. Ngày 19/8/2019, T1 cùng bạn là chị Vi Thị Hoa – Sinh năm 1987 ở xã Yên Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đem chiếc xe trên đến quán cầm đồ của chị Phạm Thị Linh – Sinh năm 1982, ở tổ 9, phường Y1, quận L, thành phố Y bán với giá 5.000.000đ. Ngày 27/8/2019, khi được cơ quan điều tra thông báo chiếc xe máy BKS 19Z6 – 0529 là vật chứng của vụ án, chị Phạm Thị Linh đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện TT xác định giá trị là 7.000.000đ. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho bà Vịnh, bà Vịnh không yêu cầu T bồi thường gì thêm.

Vụ thứ 18: Khoảng 21 giờ ngày 22/8/2019, ông Nguyễn Đức Khóa – Sinh năm 1959 ở khu 1, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông để chiếc xe mô tô Honda Dream BKS 29 - 423 - Y4 tại hiên bếp nhà mình. Khoảng 0 giờ ngày 23/8/2019, T đi bộ qua nhà ông Khóa thì phát hiện nhà ông Khóa đang xây nhà mới không có cửa cổng nên T đi vào trong tìm tài sản trộm cắp. Phát hiện tại hiên nhà bếp nhà ông Khóa có chiếc xe mô tô BKS 29 - 423 - Y4, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa nên T dắt xe ra cổng, mở khóa điện, nổ máy và điều khiển xe đi về nhà ở khu 2 xã S, huyện TT. Về đến nhà, T chụp ảnh xe (không chụp biển kiểm soát) đăng lên Facebook tại trang "Hội mua bán xe máy cũ Y" và "Hội mua bán xe máy KGT (không giấy tờ) Y" để giao bán xe nhưng chưa bán được thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và thu giữ chiếc xe trên. Chiếc xe được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Tam Nông xác định giá trị là 3.000.000đ. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho ông Khóa, ông Khóa không yêu cầu T bồi thường gì thêm.

Như vậy: Giá trị tài sản bị cáo T đã trộm cắp là 18 chiếc xe mô tô, 01 điện thoại di động và số tiền 530.000đ. Tổng là 227.530.000đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng); Ngoài ra T còn giúp Nguyễn Cảnh T2 tiêu thụ chiếc xe mô tô BKS 19V1 – 9389 có giá 20.000.000đ và được T2 trả cho 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền công; Giá trị tài sản Anh tiêu thụ là tổng giá trị hai chiếc xe mô tô và được xác định là

22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng); Giá trị tài sản T1 tiêu thụ là tổng giá trị của 5 chiếc xe mô tô và được xác định là 80.750.000đ (Tám mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); Giá trị tài sản T2 tiêu thụ là tổng giá trị 2 chiếc xe mô tô được xác định là 33.150.000đ.(Ba mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Căn cứ hành vi phạm tội của Nguyễn Ngọc T, Trần Quốc A, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Cảnh T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TT đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can, Quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Ngọc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, quy định tại Điều 173 và Điều 323 Bộ luật hình sự; Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Quốc A, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Cảnh T2 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

Sau khi hành vi phạm tội của các bị cáo bị phát hiện điều tra làm rõ, Cơ quan CSĐT Công an huyện TT, huyện Tam Nông và huyện Thanh Sơn tỉnh P; đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản đối với bị cáo T; Cơ quan CSĐT Công an huyện TT, tỉnh P đã khởi tố bị can về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, đồng thời Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Nông, công an huyện Thanh Sơn, P đã chuyển hồ sơ vụ án đến Công an huyện TT để nhập vụ án giải quyết theo thẩm quyền.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 06/02/2020 của VKSND huyện TT tỉnh P truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại Điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Trần Quốc A, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Cảnh T2 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a, khoản 3 Điều 173, khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T;

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1; Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 36 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Cảnh T2 và Trần Quốc A;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; Các bị cáo: Nguyễn Cảnh T2, Nguyễn Văn T1, Trần Quốc A phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đối với những bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại có mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện

trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận T2 bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai; Lời khai nhận của các bị cáo đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Bị cáo Tráng thường xuyên bỏ nhà đi lang thang tìm kiếm những hộ dân có tài sản sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài. Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2019, trên địa bàn các huyện TT, Tam Nông, Thanh Sơn của tỉnh P, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã lợi dụng sự sơ hở của chủ quản lý tài sản, đã có hành vi lén lút liên tiếp thực hiện trộm cắp 18 chiếc xe mô tô và một số tài sản khác của các bị hại gồm: 01 xe mô tô Honda Vission BKS 19C1 - 190.37 của chị Trần Thị Hương, Sinh năm 1992, ở khu 3, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn vào ngày 22/3/2019; 01 xe mô tô Honda Air Blade BKS 19V1 – 9389 của chị Nguyễn Thị Thêm – Sinh năm 1990, ở khu 9, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông vào ngày 31/3/2019; 01 xe mô tô Honda Air Blade BKS 19L1 - 138.42. *(Đối với chiếc xe này, khi bị mất chị Huệ là người đang quản lý, tuy nhiên quá trình làm việc tại Tòa án, xác định chiếc xe là của ông Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1963, địa chỉ: Khu 7, xã Hoàng Xá, huyện TT, tỉnh P, do đó xác định người bị hại của chiếc xe mô tô Honda Air Blade BKS 19L1 - 138.42 này là ông Dũng)*; 01 điện thoại di động OPPO Neo 9 và 70.000đồng của chị Nguyễn Thị Mai Huệ – Sinh năm 2001, ở khu 7, xã Hoàng Xá, huyện TT vào ngày 15/4/2019; 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19H1 – 101.86 của chị Nguyễn Thị Hạnh – Sinh năm 1984 ở khu 1, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông vào ngày 18/4/2019; 01 xe mô tô Honda Air Blade BKS 29X5 – 046.30 của anh Đinh Tuấn Quang – Sinh năm 1988 ở xóm Giếng Ống, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn vào ngày 22/4/2019; 01 xe mô tô Honda Wave RSX BKS 29C1 – 010.47 của ông Đinh Văn Phần – Sinh năm 1971 ở xóm Giếng Ống, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn vào ngày 22/4/2019; 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19C1 - 158.48 của anh Nguyễn Minh Tiến – Sinh năm 1981 ở khu 3, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn vào ngày 26/5/2019; 01 xe mô tô Honda Dream BKS 19N1 - 5565 của anh Nguyễn Trọng Nghĩa – Sinh năm 1973 ở khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT vào ngày 04/7/2019; 01 xe mô tô Yamaha Exciter BKS 19K1 - 240.27 của ông Phạm Xuân Bảy – Sinh năm 1972 ở khu 9, xã Tắt Thắng, huyện Thanh Sơn vào ngày 08/7/2019; 01 xe mô tô Honda Dream BKS 19K3 - 7533 của ông Nguyễn Văn Luận – Sinh năm 1946 ở khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT vào ngày 18/7/2019; 01 xe mô tô Honda Wave S BKS 19C1 - 072.99 của anh Nguyễn Thanh Chuyên – Sinh năm 1978, ở xóm Tiên Phong, xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn vào ngày 19/7/2019; 01 xe mô tô IMOTO BKS 29Y - 3895 của anh Phan Tiến Bắc – Sinh năm 1974 ở khu 6, xã Tu Vũ, huyện TT vào ngày 22/7/2019; 01 đăng ký xe BKS 19L1 - 225.11 và số tiền 460.000đồng của ông Lê Thế Phong – Sinh năm 1974 ở khu 12, xã Yên Mao, huyện TT vào ngày 23/7/2019; 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19B1 – 435.67 của anh Bùi Phú Tùng – Sinh năm 1989 ở khu 13, xã Thanh Đình, thành phố

Việt Trì gửi tại nhà ông Đỗ Văn Thao – Sinh năm 1966 ở khu 13, xã Yên Mao, huyện TT vào ngày 23/7/2019; 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19L1 – 245.32 của ông Phạm Văn Đăng – Sinh năm 1973 ở khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT vào ngày 26/7/2019; 01 xe mô tô Honda Dream II BKS 19T1 – 5619 của anh Đinh Công Thủy – Sinh năm 1968 ở xóm Liên Đồng, xã Cự Đồng, huyện Thanh Sơn vào ngày 31/7/2019; 01 mô tô Honda Lead BKS 19Z6 - 0529 của bà Nguyễn Thị Vĩnh – sinh năm 1968, ở khu 1, xã La Phù, huyện TT vào ngày 06/8/2019; 01 xe mô tô Honda Wave BKS: 19L1-197.52 của ông Nguyễn Việt Hùng – sinh năm 1965, ở khu 14, xã Đào Xá, huyện TT, tỉnh P vào ngày 11/8/2019; 01 xe mô tô Honda Dream BKS 29 - 423 - Y4 của ông Nguyễn Đức Khóa – Sinh năm 1959 ở khu 1, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông vào ngày 23/8/2019 với tổng giá trị tài sản Nguyễn Ngọc T trộm cắp là 227.530.000đ. (Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Sau khi trộm cắp xe, T đã đem bán cho bị cáo Nguyễn Cảnh T2 02 xe mô tô gồm: 01 Honda Air Blade BKS 19V1 – 9389, 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19C1 - 158.48 với tổng giá trị 33.150.000đồng; Bán cho bị cáo Nguyễn Văn T1 05 xe mô tô gồm: 01 xe mô tô Yamaha Exciter BKS 19K1 - 240.27, 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19B1 – 43567, 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19L1 – 245.32, 01 xe mô tô Honda Dream II BKS 19T1 – 5619, 01 xe mô tô Honda Lead BKS 19Z6 – 0529 với tổng giá trị 80.750.000đồng; Bán cho bị cáo Trần Quốc A 02 xe mô tô gồm: 01 xe mô tô Honda Wave BKS: 19L1-197.52, 01 xe mô tô Honda Wave S BKS 19C1 - 072.99 với tổng giá trị 22.000.000đồng. Ngoài ra, bị cáo T còn có hành vi giúp bị cáo T2 bán lại chiếc xe mô tô Honda Air Blade BKS 19V1 – 9389 do mình trộm cắp mà có nhưng đã bán cho T2 trước đó và được T2 trả công số tiền 300.000đ.(Ba trăm nghìn đồng).

Đối với bị cáo Anh mua của Tráng 2 chiếc xe mô tô gồm: 01 xe mô tô Honda Wave BKS: 19L1-197.52 và 01 xe mô tô Honda Wave S BKS 19C1 - 072.99, tổng giá trị hai chiếc xe mô tô trên là 22.000.000đ.(Hai mươi hai triệu đồng); Bị cáo T1 mua của Tráng 5 chiếc xe mô tô gồm: 01 xe mô tô Yamaha Exciter BKS 19K1 - 240.27, 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19B1 – 43567, 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19L1 – 245.32, 01 xe mô tô Honda Dream II BKS 19T1 – 5619, 01 xe mô tô Honda Lead BKS 19Z6 – 0529. tổng giá trị của 5 chiếc xe mô tô trên là 80.750.000đ.(Tám mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); Bị cáo T2 mua của Tráng 2 chiếc xe mô tô gồm: 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19L1-197.52 và 01 xe mô tô Honda Wave S BKS 19C1 - 072.99 tổng giá trị 2 chiếc xe mô tô trên là 33.150.000đ.(Ba mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị cáo Toan, T2 và Anh khi mua xe của Tráng, biết rõ là tài sản do T trộm cắp mà có nhưng vì ham lợi nên T2, T1 và Anh vẫn mua để bán lại nhằm hưởng lợi

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 điều 173 của Bộ luật hình sự và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự; Hành vi của các bị cáo Anh, T1 và T2 đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[2] Xét tính chất vụ án, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm của các bị cáo trong vụ án cho thấy:

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an ninh xã hội, pháp luật của Nhà nước, xâm phạm đến tài sản của cá nhân, được pháp luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản của mình, ảnh hưởng rất lớn trong đời sống của cộng đồng dân cư. Trong một thời gian ngắn bị cáo Tráng đã gây ra liên tiếp các vụ trộm cắp tài sản giá trị lớn, với thủ đoạn và phương thức vô cùng tinh vi, liêu lĩnh, nhằm chiếm hữu trái phép tài sản của người khác. Các bị cáo Anh, Toàn, T1 mặc dù biết tài sản do trộm cắp mà có nhưng vì háms lợi nên vẫn cố tình mua lại từ bị cáo Tráng, nhằm kiếm lời. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm minh.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Tráng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách độc lập, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” do mình gây ra. Các bị cáo Anh, Toàn và T1 không tham gia trộm cắp tài sản cùng Tráng, và những lần bị cáo Tráng đi trộm cắp tài sản, các bị cáo đều không biết, nhưng khi được bị cáo Tráng giao bán tài sản, các bị cáo đều biết tài sản là những chiếc xe mô tô do bị cáo Tráng trộm cắp mà có nhưng các bị cáo vẫn mua của bị cáo Tráng nhằm kiếm lời do đó các bị cáo Anh, Toàn và T1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác mà có”. Đối với bị cáo Tráng, ngoài hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo còn 01 (một) lần giúp bị cáo T2 tiêu thụ tài sản trộm cắp. Do đó bị cáo còn là đồng phạm với bị cáo T2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” với vai trò giúp sức.

Đối với bị cáo T, mặc dù nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng quá trình điều tra xác định bị cáo sử dụng tiền có được do trộm cắp tài sản để phục vụ cho nhu cầu tiêu xài cá nhân mà không nhằm phục vụ cho những nhu cầu thiết yếu của bản thân. Do vậy, không áp dụng tình tiết định khung “có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại các điểm a, b Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự để xử lý đối với bị cáo Tráng.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo thấy rằng: Bị cáo Tráng, là người có nhân thân xấu với hai lần bị Tòa án xét xử, cụ thể: Tại Bản án số 27/2010SST ngày 16/9/2010, bị Tòa án nhân dân huyện TT xử phạt 6 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/02/2011 nhưng chưa chấp hành xong phần bồi thường thiệt hại cho người bị hại, (Thời điểm thực hiện hành vi là ngày 16/02/2010, khi đó bị cáo T chưa đủ 18 tuổi). Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Do đó Tại Bản án số 27/2015/HS-ST ngày 11/6/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện TT xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 28/12/2016 nhưng chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự, do đó lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là "*Tái phạm*" quy định tại điểm h, khoản 1, điều 52 Bộ luật hình sự đối với cả hai tội danh “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Quá trình điều tra, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, do đó bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Toàn, T1 và bị cáo Anh có nhân thân tốt. Bị cáo T2 và bị cáo Anh 2 lần mua xe mô tô do T trộm cắp mà có, bị cáo T1 5 lần mua xe mô tô do T trộm cắp mà có. Trị

giá tài sản mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, do vậy bị cáo T2, bị cáo T1 và bị cáo Anh đều phải chịu 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*" quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, do đó các bị cáo T2, T1 và Anh được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo T1 và bị cáo Toàn đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền thu lời bất chính từ việc bán xe trộm cắp mà có, bị cáo Anh chưa được hưởng lợi do chưa thực hiện được hành vi bán xe trộm cắp được, bị hại cũng đã nhận được tài sản, không yêu cầu gì thêm, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Toàn, Anh và bị cáo T1 là phù hợp.

Bị cáo T1 thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có 05 lần nhiều hơn các bị cáo khác. Mặc khác sau khi thực hiện hành vi phạm tội này, chưa bị xét xử thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong một vụ án khác, đang bị Tòa án huyện K chuẩn bị đưa ra xét xử, do đó cần cách ly bị cáo Tráng và T1 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Toàn và bị cáo Anh có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, các bị cáo đều phạm tội ít nghiêm trọng và lần đầu bị đưa ra xét xử, nếu không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo Anh và Toàn hình phạt cải tạo không giam giữ và buộc các bị cáo lao động công ích phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương, bị cáo T2 và bị cáo Anh không có công ăn việc làm ổn định, lao động tự do chỉ đảm bảo cuộc sống tối thiểu hàng ngày nên Hội đồng xét xử xét miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo T2, Anh. Do bị cáo không có việc làm nên Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải thực hiện lao động công ích phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 02 giờ trong một ngày và 02 ngày trong một tuần là phù hợp quy định tại khoản 4 điều 36 của bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 173 của Bộ luật hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng. Tuy nhiên theo xác minh của cơ quan điều tra, các bị cáo trước khi phạm tội đều làm công việc lao động tự do, không có thu nhập ổn định và đều không có tài sản riêng có giá trị nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với tài sản mà bị cáo Tráng đã trộm cắp, các bị hại đã được nhận lại gồm: 01 xe mô tô Honda Air Blade BKS 29X5 – 046.30 của anh Đinh Tuấn Quang – Sinh năm 1988 ở xóm Giếng Ống, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ. Anh Quang đã nhận ngày 22/4/2019; 01 xe mô tô Honda Wave S BKS 19C1 - 072.99 của anh Nguyễn Thanh Chuyên – Sinh năm 1978, ở xóm Tiên Phong, xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ. Anh

Chuyến đã nhận ngày 19/7/2019; 01 xe mô tô IMOTO BKS 29Y - 3895 của anh Phan Tiến Bắc – Sinh năm 1974 ở khu 6, xã Tu Vũ, huyện TT, Phú Thọ. Anh Bắc đã nhận ngày 22/7/2019; 01 mô tô Honda Lead BKS 19Z6 - 0529 của bà Nguyễn Thị Vịnh – sinh năm 1968, ở khu 1, xã La Phù, huyện TT, Phú Thọ. Bà Vịnh đã nhận ngày 06/8/2019; 01 xe mô tô Honda Wave BKS: 19L1-197.52 của ông Nguyễn Viết Hùng – sinh năm 1965, ở khu 14, xã Đào Xá, huyện TT, tỉnh P. Ông Hùng đã nhận ngày 11/8/2019; và 01 xe mô tô Honda Dream BKS 29 - 423 - Y4 của ông Nguyễn Đức Khóa – Sinh năm 1959 ở khu 1, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, Phú Thọ. Ông Khóa đã nhận ngày 23/8/2019; Ông Lê Thế Phong, sinh năm 1955 ở Khu 12, xã Tu Vũ, huyện TT, tỉnh P 01 đăng ký xe mô tô BKS 19L1-225.11, xét thấy phù hợp. Các bị hại đã được nhận lại tài sản mà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm một khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Đối với số tiền 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng) do bị cáo trộm cắp được của chị Nguyễn Thị Mai Huệ, chị Huệ tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị, xét thấy phù hợp được chấp nhận.

- Đối với những tài sản bị cáo Tráng đã trộm cắp không thu hồi được, nay buộc bị cáo Tráng phải bồi thường thiệt hại giá trị tài sản theo giá của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện Thanh Thủy đối với tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt cho những người bị hại gồm giá trị: 01 xe mô tô Honda Vission BKS 19C1 - 190.37 cho chị Trần Thị Hương – Sinh năm 1992, ở khu 3, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng); 01 xe mô tô Honda Air Blade BKS 19V1 – 9389 cho chị Nguyễn Thị Thêm – Sinh năm 1990, ở khu 9, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); 01 xe mô tô Honda Air Blade BKS 19L1 - 138.42 cho ông Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1963, ở khu 7, xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng); 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19H1 – 101.86 cho chị Nguyễn Thị Hạnh – Sinh năm 1984 ở khu 1, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng); 01 xe mô tô Honda Wave RSX BKS 29C1 – 010.47 cho ông Đinh Văn Phần – Sinh năm 1971 ở xóm Giếng Ông, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng); 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19C1 - 158.48 cho anh Nguyễn Minh Tiến – Sinh năm 1981 ở khu 3, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ số tiền 13.150.000đ (Mười ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); 01 xe mô tô Honda Dream BKS 19N1 - 5565 cho anh Nguyễn Trọng Nghĩa – Sinh năm 1973 ở khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); 01 xe mô tô Yamaha Exciter BKS 19K1 - 240.27 cho ông Phạm Xuân Bảy – Sinh năm 1972 ở khu 9, xã Tấn Thắng, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng); 01 xe mô tô Honda Dream BKS 19K3 - 7533 cho ông Nguyễn Văn Luận – Sinh năm 1946 ở khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT, Phú Thọ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); số tiền 460.000đ (Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) của ông Lê Thế Phong – Sinh năm 1974 ở khu 12, xã Yên Mao, huyện TT, Phú Thọ; 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19B1 – 435.67 cho anh Bùi Phú Tùng – Sinh năm 1989 ở khu 13, xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, P số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng); 01 xe mô tô Honda Wave BKS 19L1 – 245.32 cho ông Phạm Văn Đăng – Sinh năm 1973 ở khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT, Phú Thọ số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng);

Đối với 01 xe mô tô Honda Dream II BKS 19T1 – 5619 của ông Đinh Công Thủy, Sinh năm 1968 ở xóm Liên Đồng, xã Cự Đồng, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ, Hội đồng định giá giá trị chiếc xe là 10.250.000đ (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Đinh Công Thủy với bị cáo T thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại, cụ thể: Bị cáo T nhất trí trả cho ông Thủy trị giá của chiếc xe với số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), do đó cần được ghi nhận.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo T phải bồi thường cho những người bị hại là 174.610.000đ (Một trăm bảy mươi tư triệu, sáu trăm mười nghìn đồng). Ngoài ra các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm tài sản, đồ vật hay một khoản nào khác.

[5] Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trao trả cho chủ sở hữu một số tài sản gồm: Trả lại cho các bị hại là anh Đinh Tuấn Quang – Sinh năm 1988 ở xóm Giếng Ống, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ. 01 xe mô tô Honda Air Blade BKS 29X5 – 046.30; anh Nguyễn Thanh Chuyên – Sinh năm 1978, ở xóm Tiên Phong, xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ, 01 xe mô tô Honda Wave S BKS 19C1 - 072.99; anh Phan Tiến Bắc – Sinh năm 1974 ở khu 6, xã Tu Vũ, huyện TT, Phú Thọ. 01 xe mô tô IMOTO BKS 29Y – 3895; bà Nguyễn Thị Vịnh – sinh năm 1968, ở khu 1, xã La Phù, huyện TT, Phú Thọ, 01 xe mô tô Honda Lead BKS 19Z6 - 0529; ông Nguyễn Viết Hùng – sinh năm 1965, ở khu 14, xã Đào Xá, huyện TT, tỉnh P. 01 xe mô tô Honda Wave BKS: 19L1-197.52; và ông Nguyễn Đức Khóa – Sinh năm 1959 ở khu 1, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, Phú Thọ. 01 xe mô tô Honda Dream BKS 29 - 423 - Y4; Ông Lê Thế Phong, sinh năm 1955 ở Khu 12, xã Tu Vũ, huyện TT, tỉnh P 01 đăng ký xe mô tô BKS 19L1-225.11 Việc trao trả là đúng thẩm quyền nên cần xác nhận.

- Đối với số tiền 5.000.000đ(Năm triệu đồng) mà Phạm Thị Linh bỏ ra mua xe máy BKS 19Z6 - 0529 của Nguyễn Văn T1 do Nguyễn Ngọc T trộm cắp được. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, chị Linh yêu cầu T1 phải bồi thường số tiền 5.000.000đồng. Ngày 7/12/2019, T1 đã bồi thường cho chị Linh số tiền trên. Sau khi nhận bồi thường, chị Linh không có đề nghị gì thêm, xét thấy phù hợp, cần được xác nhận.

- Quá trình điều tra, xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TT đã trả lại những tài sản không liên quan đến vụ án cho các chủ sở hữu hợp pháp. Các vật chứng còn lại gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 19L1-026.14, số khung: RLHHA0805133697, số máy: HA08E-1433738 là tài sản chung của bị cáo T với vợ của bị cáo là chị Dương Thu Trang, chị Trang không biết bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, tại phiên tòa bị cáo và chị Trang xin được giao chiếc xe cho chị Trang quản lý sử dụng, xét thấy là phù hợp được chấp nhận.

Đối với 01 ví giả da màu đen đã cũ, 01 CMND số 132257066 mang tên Nguyễn Ngọc T, của bị cáo T, không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho bị cáo;

- Đối với 04 biên kiểm soát gồm BKS: 29Y5-343.39; BKS: 19L1 - 225.11; 18F1-106.67; BKS: 29K5 – 1350 do bị cáo T1 đặt mua của một người nam giới không rõ tên tuổi địa chỉ để lắp vào các xe máy mua bán không có giấy đăng ký, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động SamSung S8 Plus màu đen xám lắp sim số 0825528900 của Trần Quốc A; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng, đã cũ lắp sim số 0967600985 của bị cáo T; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu vàng đã cũ lắp sim số 0828290691 và 01 điện thoại di động SamSung S8 Plus màu đen lắp sim số 0397904447 và 0819000085 lắp trong điện thoại di động SamSung S8 Plus màu đen của bị cáo T2 là phương tiện các đối tượng sử dụng để gọi điện, liên lạc, nhắn tin mua bán xe máy do trộm cắp mà có cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với các sim số 0825528900 lắp trong điện thoại của Trần Quốc A; sim số 0967600985 lắp trong điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng của bị cáo T; sim số 0828290691 lắp trong điện thoại di động Iphone 7 Plus màu vàng và sim số 0397904447 và 0819000085 của bị cáo T2 không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 6.600.000đ.(Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó 3.100.000đ do bị cáo T1 nộp và 2.500.000đ do bị cáo T2 nộp là tiền các bị cáo hưởng lợi từ việc tiêu thụ tài sản trộm cắp mà có và số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong ví của bị cáo T sau khi bán xe máy trộm cắp được mà có, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) do bị cáo T bán 01 đăng ký xe BKS 19L1 – 22521 của ông Lê Thế Phong là bất hợp pháp, cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước;

- Đối với số tiền 300.000đ.(Ba trăm nghìn đồng) bị cáo T thu lời bất chính từ việc tiêu thụ xe cho bị cáo T2 mà có, cần truy thu sung ngân sách nhà nước.

Như vậy, cần truy thu của bị cáo T tổng số tiền 400.000đ(Bốn trăm nghìn đồng).

[6] Đối với chị Vi Thị Hoa – Sinh năm 1987 ở xã Yên Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và chị Phạm Thị Linh – Sinh năm 1982 ở 36 Ngọc Trì, phường Y1, quận L, thành phố Y, là những người đã đi cùng và cầm cố chiếc xe Honda Lead BKS 19Z6 - 0529 cho bị cáo Toàn. Tuy nhiên, chị Hoa và chị Linh không biết đó là chiếc xe do trộm cắp mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý, là phù hợp;

Đối với Phạm Thế Hải – Sinh năm 1990, ở phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Y, theo lời khai của Nguyễn Cảnh T2 là người đã mua chiếc xe mô tô BKS 19C1 - 158.48 của T2 với giá 4.300.000đồng. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra, Hải không thừa nhận mua chiếc xe mô tô trên của T2. Ngoài lời khai của T2 thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ làm rõ để xử lý là phù hợp;

Đối với người sử dụng tài khoản Facebook "Nguyễn Quang" theo lời khai của T là người đã mua xe mô tô BKS 19N1- 5565 của T với giá 4.300.000đồng. Quá trình điều tra thể hiện ngoài những thông tin trên, không có tài liệu chứng cứ nào khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ căn cứ để xác minh, điều tra xử lý đối với người này nên không đặt ra giải quyết, xét thấy phù hợp;

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo T phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 3 Điều 173, khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1, khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Cảnh T2 và Trần Quốc A.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Các bị cáo: Nguyễn Cảnh T2, Nguyễn Văn T1, Trần Quốc A phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 07(Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt của hai loại tội là: 07 (Bảy) năm, 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 08 (Tám) tháng tù, được khấu trừ 90 (Chín mươi) ngày tạm giam (Từ ngày 30/8/2019 đến ngày 27/11/2019). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc A 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường D, quận O, thành phố Y nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Anh cho Ủy ban nhân dân phường D, quận O, thành phố Y giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Cảnh T2 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đại Sơn, huyện Đ1, tỉnh AN nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo T2 cho Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Đại Sơn, huyện Đ1, tỉnh AN giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Buộc bị cáo Trần Quốc A và Nguyễn Cảnh T2 phải thực hiện lao động công ích phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 02 giờ trong một ngày và 02 ngày trong một tuần.

- Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Các Điều 357, 584, 585, 587 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường thiệt hại giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt cho những người bị hại gồm: Chị Trần Thị Hương – Sinh năm 1992, ở khu 3, xã

Cự Thắng, huyện Thanh Sơn số tiền 8.000.000 (Tám triệu đồng); Chị Nguyễn Thị Thêm – Sinh năm 1990, ở khu 9, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Ông Nguyễn Văn Dũng – Sinh năm 1963, ở khu 7, xã Hoàng Xá, huyện TT, tỉnh Phú Thọ số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng); Chị Nguyễn Thị Hạnh – Sinh năm 1984 ở khu 1, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng); Ông Đinh Văn Phấn – Sinh năm 1971 ở xóm Giếng Ông, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng); Anh Nguyễn Minh Tiến – Sinh năm 1981 ở khu 3, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ số tiền 13.150.000đ (Mười ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); Anh Nguyễn Trọng Nghĩa – Sinh năm 1973 ở khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Ông Phạm Xuân Bảy – Sinh năm 1972 ở khu 9, xã Tắt Thắng, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng); Ông Nguyễn Văn Luận – Sinh năm 1946 ở khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT, Phú Thọ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Ông Lê Thế Phong – Sinh năm 1974 ở khu 12, xã Yên Mao, huyện TT, Phú Thọ số tiền 460.000đ; Anh Bùi Phú Tùng – Sinh năm 1989 ở khu 13, xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, Phú Thọ số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng); Ông Phạm Văn Đảng – Sinh năm 1973 ở khu 16, xã Hoàng Xá, huyện TT, Phú Thọ số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng);

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Đinh Công Thủy, sinh năm 1968 ở xóm Liên Đồng, xã Cự Đồng, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ đối với bị cáo T, cụ thể: Bị cáo T có nghĩa bồi thường cho ông Đinh Công Thủy số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng);

Tổng số tiền bị cáo Tráng phải thường cho các bị hại là: 174.610.000đ (*Một trăm bảy mươi tư triệu, sáu trăm mười nghìn đồng*).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền mà bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, thì bên có nghĩa vụ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 6.600.000đ. (*Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*). Trong đó 3.100.000đ của bị cáo Toàn; 2.500.000đ của bị cáo T2 và 1.000.000 đồng của bị cáo T.

- Trả cho bị cáo T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 19L1-026.14, số khung: RLHHA0805133697, số máy: HA08E-1433738 do chị Dương Thu Trang, sinh năm 2000. Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện TT, tỉnh P đại diện nhận thay.

- Tịch thu, tiêu hủy đối với 04 biển kiểm soát gồm BKS: 29Y5-343.39; BKS: 19L1 - 225.11; 18F1-106.67; BKS: 29K5 – 1350 của bị cáo Nguyễn Văn T1;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 ví giả da màu đen đã cũ, 01 CMND số 132257066 mang tên Nguyễn Ngọc T.

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động SamSung S8 Plus màu đen xám lắp sim số 0825528900 của Trần Quốc A; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng, đã cũ lắp sim số 0967600985 của Nguyễn Ngọc T; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu

vàng đã cũ lắp sim số 0828290691 và 01 điện thoại di động SamSung S8 Plus màu đen lắp sim số 0397904447 và sim số 0819000085 của Nguyễn Cảnh T2;

- Tịch thu, tiêu hủy: Các sim số 0825528900 lắp trong điện thoại của Trần Quốc A; sim số 0967600985 lắp trong điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng của bị cáo T; sim số 0828290691 lắp trong điện thoại di động Iphone 7 Plus màu vàng và sim số 0397904447 và 0819000085 của bị cáo T2.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh P đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/4/2020).

- Truy thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) đối với bị cáo T

- Xác nhận, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trao trả cho chủ sở hữu các tài sản gồm: Trả lại cho các bị hại là anh Đinh Tuấn Quang – Sinh năm 1988 ở xóm Giếng Ống, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ. 01 xe mô tô Honda Air Blade BKS 29X5 – 046.30; anh Nguyễn Thanh Chuyên – Sinh năm 1978, ở xóm Tiền Phong, xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ, 01 xe mô tô Honda Wave S BKS 19C1 - 072.99; anh Phan Tiến Bắc – Sinh năm 1974 ở khu 6, xã Tu Vũ, huyện TT, Phú Thọ. 01 xe mô tô IMOTO BKS 29Y – 3895; bà Nguyễn Thị Vĩnh – sinh năm 1968, ở khu 1, xã La Phù, huyện TT, Phú Thọ, 01 xe mô tô Honda Lead BKS 19Z6 - 0529; ông Nguyễn Viết Hùng – sinh năm 1965, ở khu 14, xã Đào Xá, huyện TT, tỉnh P 01 xe mô tô Honda Wave BKS: 19L1-197.52; Ông Nguyễn Đức Khóa – Sinh năm 1959 ở khu 1, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, Phú Thọ 01 xe mô tô Honda Dream BKS 29 - 423 - Y4 và Ông Lê Thế Phong, sinh năm 1955 ở Khu 12, xã Tu Vũ, huyện TT, tỉnh P 01 đăng ký xe mô tô BKS 19L1-225.11

- Xác nhận bị cáo T1 đã trả cho chị Phạm Thị Linh số tiền 5.000.000đ.(Năm triệu đồng).

- Xác nhận chị Nguyễn Thị Mai Huệ, sinh năm 2001; Địa chỉ: Khu 7, xã Hoàng Xá, huyện TT, tỉnh P không yêu cầu bị cáo trả cho chị số tiền 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng).

Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Cảnh T2, Nguyễn Văn T1 và Trần Quốc A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 8.730.500đ (Tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo Bản án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền

kháng cáo phần quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu TAND tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND h.TT,
- VKSND tỉnh P;
- CA huyện TT;
- CQ THAHS;
- UBND xã XL (TB);
- UBND Phường .(TB);
- UBND Phường D (TB);
- UBND xã Đại Sơn (TB);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng